

Số: 316/TB -TYT

Chương Mỹ, ngày 19 tháng 5 năm 2026

V/v: Thông báo mua tài sản, công cụ
thanh lý lần 2.

Kính gửi: Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua tài sản,
công cụ thanh lý.

Căn cứ Nghị định 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ về việc
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng
12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử
dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-TYT ngày 14/4/2026 của Trạm Y tế phường
Chương Mỹ về việc thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ năm 2026;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 337/2026/62CT ngày 11/5/2026 của
Công ty Cổ phần thẩm định giá Gia Định;

Trạm Y tế phường Chương Mỹ có nhu cầu bán thanh lý danh mục tài sản,
công cụ như sau:

**1. Danh mục tài sản, công cụ được phê duyệt thanh lý: (Có phục lục
kèm theo)**

2. Mục đích: Lựa chọn tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị mua tài sản,
công cụ thanh lý sớm nhất với mức giá tối thiểu là: 43.500.000 đồng (*Bằng chữ:
Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Yêu cầu: đơn vị thu mua có trách nhiệm vận chuyển tài sản, công cụ hỏng
ra khỏi nơi sử dụng tài sản.

3. Thời điểm nhận văn bản đề nghị mua: từ 14h00 ngày 20/5/2026 đến
17h ngày 26/5/2026, trừ ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật. (*Có mẫu đính kèm*)

**4. Nơi đăng thông báo và nơi nhận văn bản đề nghị mua tài sản, công
cụ thanh lý:**

- Nơi đăng thông báo:

+ Thông báo được dán tại trụ sở Trạm Y tế phường Chương Mỹ - Tổ dân
phố Nội An - phường Chương Mỹ - Hà Nội.

+ Thông báo được đăng tải trên trang Website :
<https://trungtamytechuongmy.vn>

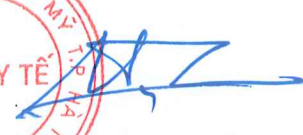
- Nơi xem hiện trạng tài sản thanh lý và nhận văn bản đề nghị mua tài sản
thanh lý: Phòng Hành chính tổng hợp, Trạm Y tế phường Chương Mỹ trong giờ
hành chính (Liên hệ CN Đặng Hữu Thuần - Số điện thoại: 0904 687 939).Địa chỉ:
Tổ dân phố Nội An, phường Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Trạm Y tế phường Chương Mỹ kính mời các tổ chức, cá nhân tham gia mua
tài sản, công cụ thanh lý./.

Nơi nhận

- Như kính gửi;
- Tổ HCTCNS;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC


Dương Mạnh Hùng

DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THANH LÝ 2026

(Kèm theo thông báo số 316 /TB-TYT ngày 19/5/2026 của trạm y tế phường Chương Mỹ)

TT	Tên TSCĐ	Đơn vị tính	Hiện có tại đơn vị					Ghi chú
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Mã hiệu, số seri	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	
1	Máy siêu âm đen trắng Aloka - MSA - TXT	Chiếc	1	2010	Aloka - Nhật	Model SSD - 500 M17783C	290.300.000	Thụy Hương
2	Máy siêu âm đen trắng Aloka - MSA - NH	Chiếc	1	2010	Aloka - Nhật	Model Prosound 2 - 200M9672	290.300.000	Thụy Hương
3	Nồi hấp áp lực 18 lít	Chiếc	1	2010	TOMY SEIKO Nhật	Model Autoclave ES-215 IEC898	111.500.000	Thụy Hương
4	Nồi hấp áp lực 18 lít	Chiếc	1	2010	TOMY SEIKO Nhật	Model Autoclave ES-215	111.500.000	Chúc Sơn
5	Nồi hấp tiết trùng	Chiếc	1	2021	Jiangyin biniang	21S/08918	19.140.000	Tiên Phương
6	Tủ lạnh chuyên dụng 24 lít	Chiếc	1	2014	Luxembourg	RCW 50EG	70.250.000	Chúc Sơn
7	Tủ lạnh chuyên dụng 24 lít	Chiếc	1	2014	Luxembourg	RCW 50EG - 4411324	70.250.000	Phụng Châu
8	Tủ lạnh chuyên dụng 24 lít	Chiếc	1	2014	Luxembourg	RCW 50EG	70.250.000	Tiên Phương
9	Tủ lạnh chuyên dụng	Chiếc	1	2014	RCW 50EG	Luxembourg - 4431189	70.250.000	Biên Giang
10	Máy hút dịch	Chiếc	1	2011	Nhật bản	11070584	28.500.000	Phụng Châu
11	Máy hút dịch	Chiếc	1	2011	Nhật bản	A/B32	28.500.000	Thụy Hương
12	Máy soi cổ tử cung	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	ZL - 604E	149.895.900	Dân số
13	Máy sinh hoá nước tiểu 10 thông số	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	U120 Urine Anl	17.500.000	Dân số
14	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Chiếc	1	2011	Đức	72286	30.800.000	Phụng Châu
15	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Chiếc	1	2011	UK	AA/LR6 1,5v	30.800.000	Tiên Phương
16	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Chiếc	1	2016	UK	AA/LR6	36.345.000	Thụy Hương
17	Máy xét nghiệm nước tiểu	Chiếc	1	2011	Grmany	SN 205646	28.500.000	Biên Giang

CHƯƠ
RẠM
?

TT	Tên TSCĐ	Đơn vị tính	Hiện có tại đơn vị					Ghi chú
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Mã hiệu, số seri	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	
18	Máy xét nghiệm nước tiểu	Chiếc	1	2023	Đức	UL0105 Pro	35.000.000	Tiên Phương
19	Máy theo dõi tim thai	Chiếc	1	2011	Japan	Doppler - FD 390	33.600.000	Tiên Phương
20	Máy theo dõi tim thai Doppler	Chiếc	1	2010	Japan	TOITU	32.800.000	Thuy Hương
21	Máy khí dung	chiếc	1	2013	inc-Japan	Comfort 2000ku-400	21.800.000	Chúc Sơn
22	Kính hiển vi 2 mắt	Chiếc	1	2011	Nhật Bản	838938	34.700.000	Phụng Châu
23	Kính hiển vi 2 mắt	Chiếc	1	2011	Nhật Bản	Nikon	34.700.000	Thuy Hong
24	Máy phun thuốc phòng dịch	Chiếc	1	2011	Trung Quốc		13.281.000	Phụng Châu - Cháy đen
25	Máy phun thuốc phòng dịch	Chiếc	1	2011	Đức	SR420	13.281.000	Thuy Hương
26	Máy phun thuốc phòng dịch	Chiếc	1	2011	Đức		11.531.000	Tổ Phòng bệnh
27	Máy phun hoá chất	Chiếc	1	2017	Đức	SR240 - 42039673304GS	22.000.000	Tổ Phòng bệnh
28	Máy phun thuốc phòng dịch Sờ cấp	Chiếc	1	2011	Nhật	MD150DX-13CE	55.200.000	Tổ Phòng bệnh
29	Máy phun tồn lưu	Chiếc	1	2020	Đức	SOLO-Port 42311	27.800.000	Tổ Phòng bệnh
30	Máy phun thuốc phòng dịch DPTP cấp	chiếc	1	2010	Đức		39.930.000	Tổ Phòng bệnh
31	Máy phun ULV	chiếc	1	2017	Đức	ULV Swingtec Fontan - 1706260530	65.800.000	Tổ Phòng bệnh
32	Máy phun ULV	chiếc	1	2017	Đức	ULV Swingtec Fontan -172408	65.800.000	Tổ Phòng bệnh
33	Máy phun tồn lưu giặt nỏ	Chiếc	1		Đức	Solo 423 Port	28.000.000	Tổ Phòng bệnh
34	Máy vi tính	Chiếc	1	2017	Việt Nam	CMS	10.400.000	Chúc Sơn
35	Bộ máy tính - BHXH	Bộ	1	2017	China	Dell	12.560.000	Phụng Châu
36	Bộ máy tính - BHXH	Bộ	1	2017	China	Dell - L411	12.560.000	Thuy Hương

TT	Tên TSCĐ	Đơn vị tính	Hiện có tại đơn vị					Ghi chú
			Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Mã hiệu, số seri	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	
37	Máy vi tính + Máy in	bộ	1	2011	Korea	LG - 010VNRG1X64	10.995.000	Biên Giang
38	Máy vi tính + Máy in	bộ	1	2012	China	HP - 6CM152009N	13.500.000	Biên Giang
39	Máy vi tính	chiếc	1	2010	Đông Nam Á		10.600.000	Tổ Hành chính
40	Máy phôtô - D.số cũ	cái	1	2014	RICOH		86.850.000	Tổ Hành chính
41	Máy vi tính xách tay	cái	1	2010	Trung Quốc	Acer aspire	22.858.000	Tổ KHNH - Hư
42	Máy vi tính	cái	1	2014	Việt Nam	Model W19438E	11.500.000	Dân số
43	Điều hoà	cái	1	2016	Việt nam	LG 12000BTU	12.326.000	Chúc Sơn
44	Điều hoà	cái	1	2016	Hàn Quốc	LG S09 12000BTU	12.326.000	Thụy Hương
45	Điều hoà	cái	1	2016	Hàn Quốc	LGS06EN2 - 9000BTU	10.076.000	Thụy Hương
46	Tăng âm liên loa	Chiếc	1	2019	Việt Nam - MA 318	Inpropr 501	16.423.000	Tiên Phương
47	Tăng âm liên loa	Chiếc	1	2019	Việt Nam	Inpropr 501 - SO 630M	16.423.000	Thụy Hương
48	Bình bơm tay	chiếc	1	2020	Đức	Mesto	12.000.000	Phụng Châu
49	Bình bơm tay	chiếc	1	2020	Đức	Mesto - CE0091	12.000.000	Tiên Phương
50	Bình bơm tay	chiếc	1	2020	Đức	Mesto	12.000.000	Ngọc Hoà
51	Bình bơm tay	chiếc	1	2020	Đức	Mesto	12.000.000	Đại Yên
52	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	chiếc	1	2011	Đức		30.800.000	Đại Yên
53	Máy phun thuốc phòng dịch	chiếc	1	2011	Đức		13.281.000	Đại Yên
Tổng cộng (53 danh mục)							2.341.281.900	

T. P. H. A.

TRẠM Y TẾ PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ

DANH MỤC CÔNG CỤ, DỤNG CỤ THANH LÝ 2026

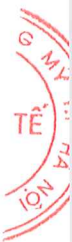
(Kèm theo thông báo số **316** /TB-TYT ngày 19/5/2026 của trạm y tế phường Chương Mỹ)

STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
1	TỔ HÀNH CHÍNH -TC-NS					3.000.000	
1	Bảng thông báo hội thảo	2016	Việt Nam	650.000	1	650.000	
2	Tủ tài liệu 4 ô cánh kính	2010	Việt Nam	2.350.000	1	2.350.000	
2	TỔ DƯỢC -TBYT-CLS					5.545.000	
1	Bảng khung nhôm KT 245 x 125 cm	2015	Việt Nam	1.450.000	1	1.450.000	
2	Bảng khung nhôm KT 85 x 125 cm	2015	Việt Nam	720.000	1	720.000	
3	Bảng khung nhôm KT 85 x 125 cm	2015	Việt Nam	2.560.000	1	2.560.000	
4	Đồng hồ bấm giây	2012	"	495.000	1	495.000	
5	Giá để dụng cụ 18 lỗ	2010	"	320.000	1	320.000	
3	TỔ KHÁM BỆNH - CHỮA BỆNH					14.212.000	
1	Bình bơm điện phun hoá chất Oshima OS20	2018	Tr. Quốc	1.000.000	1	1.000.000	
2	Bình phun tay	2020		4.600.000	1	4.600.000	
3	Máy phun hoá chất chạy ắc qui	2019	Tr. Quốc	1.305.000	1	1.305.000	
4	Đệm cứng	2020	Việt nam	2.387.000	1	2.387.000	
5	Bộ nạo hút thai	2009	"	3.390.000	1	3.390.000	
6	Quạt cây Media	2016	Việt nam	1.500.000	1	1.500.000	
7	Hộp đựng bông cotton	2009	"	30.000	1	30.000	
4	TỔ PHÒNG BỆNH - ATTP					12.305.000	
1	Ti vi LED TCL L3202790	2013	Việt nam	5.975.000	1	5.975.000	
2	Ổn áp Lioa 2kw	2012	"	2.000.000	1	2.000.000	
3	Bảng khung nhôm KT 245 x 125 cm	2015	"	1.450.000	1	1.450.000	
4	Bảng khung nhôm KT 85 x 125 cm	2015	"	1.440.000	2	2.880.000	
						-	
5	TỔ DÂN SỐ - BẢO TRỢ XH					10.098.000	
1	Ghế gấp G01	2014	Việt Nam	320.000	4	1.280.000	
2	TP link	2014	"	539.000	1	539.000	
3	Tủ I tế I nox	2014	"	1.200.000	3	3.600.000	
4	Máy In Canon LBP 3300	2014	TQ	4.679.000	1	4.679.000	
6	TỔ KHÁM BỆNH TÂM THẦN					4.716.000	
1	Tủ thuốc I Nox 5 tầng 2 khoang	2023	"	4.716.000	1	4.716.000	
7	ĐIỂM Y TẾ CHÚC SƠN					71.151.155	

STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
1	Ti vi LED TCL L 3202790	2016	Việt nam	5.975.000	1	5.975.000	
2	Máy in Canon 2900	2011	TQ	3.300.000	1	3.300.000	
3	Bình phòng cháy chữa cháy bột ABC 4kg	2024	Việt nam	156.060	2	312.120	
4	Màn chiếu 3 chân KT 70x 70	2019	Việt nam	1.750.000	1	1.750.000	
5	Tăng âm	2010	Việt nam	9.000.000	1	9.000.000	
6	Bộ huyết áp + ống nghe ALPK2	2021	Việt Nam	468.600	2	937.200	
7	Bàn máy vi tính gỗ nâu MDF KT 120 x 60 x 75 cm	2018	Việt Nam	2.200.000	1	2.200.000	
8	Ghế gấp hoà phát	2010	Việt nam	556.500	2	1.113.000	
9	Ghế gấp G01 Xuân hoà	2013	Việt nam	350.000	1	350.000	
10	Ghế hoà phát 7 nan	2010	Việt nam	260.000	2	520.000	
11	Ghế I Nox 4 chân	2010	Việt nam	244.750	12	2.937.000	
12	Loa nén TOA	2010	Việt Nam	1.984.500	2	3.969.000	
13	Ổn áp Hansico - 15kva	2011	Việt Nam	8.676.800	1	8.676.800	
14	Ổn áp Lioa 2kw	2011	Việt Nam	2.000.000	1	2.000.000	
15	Quạt cây Komatsu KM450	2015	Việt Nam	1.900.000	2	3.800.000	
16	Máy hút dịch	2021	Việt Nam	3.674.000	1	3.674.000	
17	Máy đo đường huyết Oncall	2021	Việt Nam	934.500	1	934.500	
18	Máy đo huyết áp điện tử Omron 8712	2021	Nhật	700.000	2	1.400.000	
19	Máy đo nồng độ SPO2 - CONTEX CMS 50D	2022	Trung Quốc	100.000	4	400.000	
20	Máy đo SPO2 - Plulse	2021	"	445.000	1	445.000	
21	Máy đo SPO2 - Kaneco	2022	"	89.000	5	445.000	
22	Bảng thị lực	2012	Việt Nam	718.200	1	718.200	
23	Cân trẻ sơ sinh	2015	"	677.985	1	677.985	
24	Đèn gù	2010	"	399.000	3	1.197.000	
25	Đệm cứng	2010	"	2.387.000	1	2.387.000	
26	Giường I nox	2009	Việt Nam	1.565.000	2	3.130.000	
27	Hộp đựng bông cotton	2020	"	48.000	1	48.000	
28	Hộp I nox 31 x 16 cm	2020	"	248.000	2	496.000	
29	Kéo thẳng 17,5 cm	2020	"	79.800	1	79.800	
30	Quạt sưởi cây Face	2012	"	1.500.000	1	1.500.000	
31	Thùng đựng chất thải nguy hại không lây nhiễm (màu đen)	2020	"	920.000	1	920.000	
32	Thùng Rumine	2010	Việt Nam	1.017.450	1	1.017.450	
33	Thước đo nằm	2014	"	162.500	2	325.000	
34	Thước đo đứng	2014	"	490.000	2	980.000	
35	Panh không mẫu 16cm	2020	"	36.100	1	36.100	
36	Tủ tài liệu bằng sắt chia hai phần kính + sắt	2010	"	3.500.000	1	3.500.000	
8	ĐIỂM Y TẾ PHỤNG CHÁU					79.000.074	
1	Ghế xoay văn phòng SG Hoà phát	2012	Việt Nam	1.825.000	1	1.825.000	
2	Máy In Cano LBP 2900	2012	TQ	3.830.000	1	3.830.000	
3	Máy in OKI	2014	"	7.622.574	1	7.622.574	

STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
4	Tủ sấy tiệt trùng	2009	Việt Nam	1.674.000	1	1.674.000	
5	Bảng thị lực	2012	Việt Nam	718.000	1	718.000	
6	Bộ huyết áp + ống nghe ALPK2	2018	"	937.200	2	1.874.400	
7	Bộ huyết áp + ống nghe ALPK2	2014	"	960.000	1	960.000	
8	Bộ huyết áp + ống nghe người lớn ALPK2	2018	Việt Nam	680.000	1	680.000	
9	Bộ khám ngũ quan 9 chi tiết	2012	"	845.000	1	845.000	
10	Bộ khám răng 11 chi tiết	2009	"	1.834.000	1	1.834.000	
11	Bộ khám răng 17 chi tiết	2011	"	3.245.000	1	3.245.000	
12	Bộ khám răng 4 chi tiết	2011	"	400.000	1	400.000	
13	Bộ tiêu phẫu 24 chi tiết	2012	"	6.184.500	1	6.184.500	
14	Bốc thụt + dây dẫn	2012	"	359.100	1	359.100	
15	Cân người lớn + thước đo Shanghai	2012	Việt Nam	1.700.000	1	1.700.000	
16	Đèn gù	2011	Việt Nam	725.000	1	725.000	
17	Đèn gù tiêu phẫu di động	2013	"	2.615.000	1	2.615.000	
18	Ga giường	2019	"	143.000	2	286.000	
19	Huyết áp + ống nghe ALPK2	2011	"	590.000	1	590.000	
20	Huyết áp người lớn Tanaka	2012	Việt Nam	764.400	1	764.400	
21	Máy điện châm Greatwall/TQ	2010	TQ	6.240.000	1	6.240.000	
22	Máy điện châm KW D8081	2010	"	1.749.000	1	1.749.000	
23	Máy hút dịch	2011	"	3.674.000	1	3.674.000	
24	Máy huỷ bơm kim tiêm	2009	Việt Nam	1.432.000	1	1.432.000	
25	Máy thử đường huyết -2013	2013	Trung Quốc	2.100.000	1	2.100.000	
26	Máy xét nghiệm đường huyết Oncall Plus G113-214	2022	"	1.440.000	1	1.440.000	
27	Nhiệt kế đo tai Medel	2014	Italia	1.200.000	1	1.200.000	
28	Nồi hấp tiệt trùng 18l	2012	Trung Quốc	4.200.000	1	4.200.000	
29	Ống nghe tim phổi	2010	Việt Nam	60.000	1	60.000	
30	Ống nghe tim phổi ALPK2	2015	"	40.000	1	40.000	
31	Thước đo đứng, nằm TE	2011	Việt Nam	793.100	1	793.100	
32	Bộ huyết áp+ ống nghe ALPK2	2014	"	630.000	1	630.000	
33	Huyết áp điện tử	2022	Nhật	1.400.000	2	2.800.000	
34	Máy đo huyết áp điện tử Omron 8712	2022	Nhật	700.000	1	700.000	
35	Máy đo nồng độ SPO2 CONTEX CMS 50D	2022	Trung Quốc	400.000	10	4.000.000	
36	Máy đo SPO2 Janeko FS20D	2022	"	445.000	12	5.340.000	
37	Nhiệt kế điện tử đo trán	2022	"	900.000	3	2.700.000	
38	Nhiệt kế hồng ngoại 3 chế độ CHIDO Panga	2022	Nhật Bản	465.000	2	930.000	
39	Ống nghe ALPK P.C)	2013	Việt Nam	120.000	2	240.000	
9	ĐIỂM Y TẾ TIỀN PHƯƠNG					56.252.648	
1	Máy in OKI	2009	Nhật bản	7.622.574	1	7.622.574	
2	Bộ lưu điện UPS Liebert	2009	Trung Quốc	5.532.574	1	5.532.574	
3	Máy nghe tim thai Babycom	2009	Mỹ	6.936.000	1	6.936.000	
4	Máy phun thuốc phòng dịch 3WF -3A	2009	Việt Nam	7.310.000	1	7.310.000	

STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
5	Giường I Nox	2009	Việt Nam	3.125.000	1	3.125.000	
6	Bộ tiểu phẫu 8 chi tiết	2009	"	2.634.000	1	2.634.000	
7	Bộ khâu tăng sinh môn	2009	"	1.848.000	1	1.848.000	
8	Đệm y tế + ga trải giường	2009	"	1.000.000	1	1.000.000	
9	Máy điện châm KW D8081	2009	Việt Nam	2.150.000	1	2.150.000	
10	Máy điện châm 5 giấc ET- TK21	2009	Trung Quốc	900.000	1	900.000	
11	Máy điện châm	2009	Việt Nam	486.000	1	486.000	
12	Máy châm cứu 5 cực	2009	"	344.000	1	344.000	
13	Máy thử đường huyết 2013	2009	Trung Quốc	2.100.000	1	2.100.000	
14	Ôn áp li oa 2kw	2011	Việt Nam	2.000.000	1	2.000.000	
15	Bộ đặt vòng 6 chi tiết	2009	Việt Nam	1.733.400	1	1.733.400	
16	Bộ huyết áp + ống nghe ALPK2	2009	"	468.600	2	937.200	
17	Huyết áp người lớn ALPK2	2009	"	760.000	1	760.000	
18	Bộ huyết áp + ống nghe người lớn ALPK2	2009	"	630.000	1	630.000	
19	Bộ huyết áp + ống nghe ALPK2	2021	"	590.000	1	590.000	
20	Huyết áp	2009	"	348.000	1	348.000	
21	Tủ đầu giường	2009	Việt Nam	405.300	3	1.215.900	
22	Nhiệt kế đo tai Medel	2009	Italia	1.200.000	1	1.200.000	
23	Nhiệt kế điện tử bắn trán	2021	Việt Nam	450.000	1	450.000	
24	Thùng đựng chất thải nguy hại không lây nhiễm (màu đen)	2009	"	920.000	1	920.000	
25	Thùng đựng chất thải lây nhiễm màu vàng	2009	"	490.000	1	490.000	
26	Thùng đựng chất thải thông thường màu xanh	2009	"	490.000	1	490.000	
27	Ghế gấp G01 Xuân Hoà	2011	"	350.000	1	350.000	
28	Cụm giảm áp đồng hồ ô xy	2021	"	450.000	1	450.000	
29	Thước đo nằm	2009	Việt Nam	235.000	1	235.000	
30	Ống nghe y tế Kenzmedico	2021	Nhật Bản	130.000	1	130.000	
31	Máy đo SPO2 Kaneko FS20D	2020	Trung Quốc	445.000	3	1.335.000	
10	ĐIỂM Y TẾ NGỌC HOÀ					29.745.574	
1	Cốc đựng bông ướt	2020	"	51.000	1	51.000	
2	Cốc đựng bông khô	2020	"	51.000	1	51.000	
3	Đệm y tế + ga	2020	"	1.430.000	1	1.430.000	
4	Huyết áp + ống nghe ALPK2	2020	Nhật Bản	600.000	1	600.000	
5	Máy huỷ bơm tiêm	2021	"	1.435.000	1	1.435.000	
6	Bàn ghế tiếp khách trạm trưởng		"	7.700.000	1	7.700.000	
7	Bộ lưu điện 500VA huyndail	2021	Trung	1.177.000	1	1.177.000	
8	Ghế gấp G01 xuân hoà	2021	Việt Nam	350.000	1	350.000	
9	Ghế I nox tròn 4 chân	2021	"	179.000	1	179.000	
10	Máy In B10 ther HLB2000	2021	Trung	3.200.000	1	3.200.000	
11	Máy in OKI	2021	Việt Nam	7.622.574	1	7.622.574	
12	Micro có dây + chân đế	2021	"	2.200.000	1	2.200.000	
13	Quạt sưởi cây Face	2021	"	1.500.000	1	1.500.000	



STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
14	Loa nén treo tường	2021	"	2.250.000	1	2.250.000	
11	ĐIỂM Y TẾ ĐẠI YÊN					27.604.945	
1	Đèn gù 1 bóng, 1 chân đèn	2010	Việt nam	924.810	1	924.810	
2	Nhiệt kế đo tai Medel	2010	Italy	1.200.000	1	1.200.000	
3	Ghế gấp G01 Xuân hoà	2013	Việt Nam	350.000	1	350.000	
4	Ghế I Nox 4 chân	2010	"	16.687	5	83.435	
5	Máy bơm nước GP-200JXKIPX4	2014	"	2.149.400	1	2.149.400	
6	Quạt treo tường điện cơ thống nhất	2010	"	500.000	2	1.000.000	
7	Nhiệt kế điện tử đo trán Microlife	2021	Trung Quốc	900.000	3	2.700.000	
8	Máy huỷ bơm kim tiêm	2010	Tiawan	1.435.000	1	1.435.000	
9	Bàn làm việc KT 1200 x 650 x 750 mm	2017	Việt Nam	900.000	1	900.000	
10	Nồi hấp tiệt trùng 20 lít	2010	Mỹ	4.968.300	1	4.968.300	
11	Bộ cắt rốn 6 chi tiết	2010	Việt Nam	1.612.000	1	1.612.000	
12	Máy hút dịch	2021	Nhật	3.674.000	1	3.674.000	
13	Huyết áp điện tử	2021	"	1.400.000	1	1.400.000	
14	Ống nghe ALPK	2022	"	120.000	2	240.000	
15	Ống nghe y tế Kenzmedico	2021	"	130.000	1	130.000	
16	Bộ khâu tăng sinh mô	2010	Việt Nam	1.559.000	1	1.559.000	
17	Mô vịt cỡ trung	2010	"	74.500	6	447.000	
18	Bạc lên xuống D40xR40XC46cm	2010	"	445.000	1	445.000	
19	Đệm cứng	2021	"	2.387.000	1	2.387.000	
12	ĐIỂM Y TẾ THỤY HƯƠNG					57.530.161	
1	Máy in Canon	2012	Trung Quốc	3.820.000	1	3.820.000	
2	Máy in canon 2900	2017	"	3.300.000	1	3.300.000	
3	Tăng âm xách tay	2010	"	8.500.000	1	8.500.000	
4	Tăng âm TOA	2010	Indonesia	9.000.000	1	9.000.000	
5	Dây loa, phụ kiện	2010	"	500.000	1	500.000	
6	Loa nén TOA	2010	"	992.250	2	1.984.500	
7	Micro	2010	"	865.000	1	865.000	
8	Micro Shua	2010	China	1.600.000	1	1.600.000	
9	Ghế gấp G01 Xuân Hoà	2013	Việt Nam	390.000	1	390.000	
10	Ghế I nox 4 chân	2014	"	16.687	8	133.496	
11	Ổn áp loa 2kw		"	2.000.000	1	2.000.000	
12	Tủ sấy tiệt trùng 25 lít	2010	"	1.674.000	1	1.674.000	
13	Bộ huyết áp + ống nghe ALPK2		Nhật	468.600	2	937.200	
14	Bộ huyết áp ống nghe người lớn ALPK2	2013	"	630.000	1	630.000	
15	Ống nghe tim phổi	2010	"	60.000	1	60.000	
16	Ống nghe tim phổi ALPK2	2015	Nhật	40.000	1	40.000	
17	Bình ô xy 8 lít	2010	China	1.050.000	1	1.050.000	
18	Bạc lên xuống D40xR40XC46 cm	2010	Việt nam	445.000	1	445.000	

STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
19	Bàn khám phụ khoa	2010	"	4.944.975	1	4.944.975	
20	Thước đo nằm trẻ em		"	396.550	2	793.100	
21	Cân người lớn + thước đo Shanghai	2014	China	1.700.000	1	1.700.000	
22	Cân Nhon hoà 20kg		Việt nam	897.000	1	897.000	
23	Cân trẻ sơ sinh	2014	"	677.985	1	677.985	
24	Máy điện châm	2013	"	486.000	1	486.000	
25	Máy điện châm 5 giác ET -TK21	2019	"	450.000	2	900.000	
26	Đèn Cla 3 choá	2015	China	1.104.905	1	1.104.905	
27	Nhiệt kế điện tử đo trán Microlife	2021	Thụy sỹ	300.000	3	900.000	
28	Nhiệt kế hồng ngoại 3 chế độ CHIDO Panga	2021	Việt Nam	232.500	2	465.000	
29	Nhiệt kế điện tử Microlife	2015	Thụy sỹ	820.000	1	820.000	
30	Nhiệt kế đo tai Medel	2016	Taiwan	1.200.000	1	1.200.000	
31	Nhiệt kế đo tai Poly Green	2016	"	1.250.000	1	1.250.000	
32	Đệm cứng	2021	Việt nam	2.387.000	1	2.387.000	
33	Xe tiêm 2 tầng	2011	"	1.245.000	1	1.245.000	
34	Ổng nghe y tế Kenzmedico	2021	Nhật Bản	130.000	1	130.000	
35	Máy đo huyết áp điện tử Omron 8712	2021	Việt Nam	700.000	1	700.000	
						-	
13	ĐIỂM Y TẾ BIÊN GIANG					81.404.000	
1	Bộ truyền thông lưu động	2016	China	5.480.000	1	5.480.000	
2	Loa	2009	Indonesia	605.000	1	605.000	
3	Ấm Ly	2009	"	3.250.000	1	3.250.000	
4	Quạt trần	2009	Việt Nam	850.000	2	1.700.000	
5	Quạt cây	2009	"	795.000	1	795.000	
6	Quạt treo tường	2016	"	548.000	1	548.000	
7	Ghế xoay	2012	"	954.000	4	3.816.000	
8	Quạt sưởi	2015	Hàn Quốc	1.350.000	1	1.350.000	
9	Đài JVC	2009	Nhật Bản	2.655.000	1	2.655.000	
10	Chân + Micro	2009	Việt Nam	2.200.000	1	2.200.000	
11	Nồi hấp ướt	2007	Nhật	3.050.000	1	3.050.000	
12	Máy huỷ bơm kim tiêm	2021	Việt Nam	1.435.000	1	1.435.000	
13	Máy Fax	2010	Malaisia	750.000	1	750.000	
14	Cục tích điện	2012	Trung Quốc	1.086.000	1	1.086.000	
15	Ôn áp	2012	Việt Nam	2.000.000	1	2.000.000	
16	Am pu bóp bóng lớn	2012	Trung Quốc	195.000	2	390.000	
17	Am pu bóp bóng trẻ em	2012	Trung Quốc	190.000	2	380.000	
18	Huyết áp điện tử	2021	Đức	1.250.000	1	1.250.000	
19	Đèn gù	2011	Trung Quốc	925.000	2	1.850.000	
20	Ti vi Săm Sung	2016	Hàn Quốc	5.975.000	1	5.975.000	
21	Bàn làm việc	2013	Việt Nam	1.300.000	4	5.200.000	
22	Điện thoại bàn	2013	"	495.000	1	495.000	
23	Bàn tiểu phẫu I Nox	2011	"	2.934.000	1	2.934.000	
24	Cặp nhiệt độ	2011	"	25.000	3	75.000	
25	Cân chiều cao	2014	"	1.700.000	2	3.400.000	



STT	Tên danh mục	Năm đưa vào sử dụng	Nước sx	Đơn giá	Số lượng	Nguyên giá theo SSKT (ĐVT: đồng)	Ghi chú
26	Lò nướng điện Galy	2010	Trung Quốc	1.674.000	2	3.348.000	
27	Bình cứu hoả đầy	2012	Việt Nam	1.650.000	2	3.300.000	
28	Tủ đựng tài liệu	2010	"	3.300.000	2	6.600.000	
29	Ghế xoay I nox	2015	"	460.000	2	920.000	
30	Hộp bông I nox	2006	"	248.000	1	248.000	
31	Bình bơm tay 3615FV	2020	Đức	12.000.000	1	12.000.000	
32	Bộ khám phụ khoa	2012	Việt Nam	1.224.000	1	1.224.000	
33	Đồng hồ bấm giờ	2012	"	495.000	1	495.000	
34	Máy đo huyết áp thuỷ ngân	2010	Trung Quốc	600.000	1	600.000	
Tổng cộng: 231 danh mục						452.564.557	

